

TỪ ẤY

GIỚI THIỆU CHUNG

*“Gần 50 tuổi Đảng và thơ
Từ ấy đong vui suốt đến giờ
Mái tóc pha sương chưa cạn ý
Con tim rứt ruột vẫn nhả thơ”*

Tố Hữu là cánh chim đầu đàn của thơ ca cách mạng, là nhà thơ trữ tình chính trị hàng đầu của văn học Việt Nam hiện đại. Trong cuộc đời cầm bút sáng tác ông đã để lại một sự nghiệp văn học vô cùng phong phú cho dân tộc. Ông giống như một con tim rứt ruột vẫn còn vương tơ, vẫn gieo trồng cho đời những áng thơ ca có ý nghĩa phục vụ cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Quá trình sáng tác của Tố Hữu gắn liền với quá trình hoạt động cách mạng của ông và các nhiệm vụ của Đảng qua các giai đoạn lịch sử. **Từ ấy** là bài thơ rút trong tập thơ đầu tay cùng tên của Tố Hữu (1937-1946). Bài thơ thể hiện niềm vui sướng, say mê mãnh liệt của Tố Hữu trong buổi đầu gặp gỡ lý tưởng cộng sản; tác dụng kì diệu của lý tưởng với tâm tư, tình cảm và cuộc đời của nhà thơ. + **vấn đề nghị luận**

II. PHÂN TÍCH, CẢM NHẬN

1. Khái quát chung:

Bài thơ *Từ ấy* nằm trong phần *Máu lửa* của tập thơ cùng tên của nhà thơ Tố Hữu (tập thơ gồm ba phần: *Máu lửa*, *Xiềng xích*, *Giải phóng*). Bài thơ có ý nghĩa mở đầu cho con đường cách mạng con đường thơ Tố Hữu, là tuyên ngôn về lẽ sống của người chiến sĩ cách mạng là tuyên ngôn nghệ thuật của nhà thơ.

2. Nội dung

Khổ 1 của bài thơ tập trung diễn tả niềm vui sướng, say mê của tác giả khi bắt gặp lý tưởng của Đảng Cộng Sản. Ở khổ thơ đầu có sự kết hợp hài hòa giữa hai bút pháp tự sự và trữ tình. Hai câu thơ đầu được tác giả viết theo bút pháp tự sự. Lời thơ như một lời kể về một kỉ niệm không thể nào quên trong cuộc đời của người chiến sĩ cách mạng trẻ:

*“Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lý chói qua tim”.*

“*Từ ấy*” là chỉ cái mốc thời gian đặc biệt trong cuộc đời cách mạng và trong cuộc đời thơ Tố Hữu. Đó là khi Tố Hữu 18 tuổi đang hoạt động rất tích cực trong Đoàn Thanh niên Cộng sản Huế được giác ngộ lý tưởng cộng sản, Tố Hữu vô cùng vui sướng, ông đã hoạt động cách mạng một cách say mê và sau một năm ông được kết nạp vào Đảng tức là được đứng vào hàng ngũ danh dự của những con người tiên phong.

Cụm từ “*bừng nắng hạ*” là biểu tượng cho cảm xúc của bài thơ. “*Bừng nắng hạ*” là bừng lên niềm vui sướng hân hoan, bừng lên niềm hạnh phúc, bừng lên một chân lý tỏa sáng cho cuộc đời của mình. Hình ảnh “*mặt trời chân lý chói qua tim*” là hình ảnh ẩn dụ biểu tượng cho lý tưởng cách mạng. Những từ ngữ được sử dụng chính xác, giàu sức gợi ở đây là từ “*bừng*” và từ “*chói*”. Từ “*bừng*” chỉ ánh sáng phát ra đột ngột, từ “*chói*” chỉ ánh sáng xuyên mạnh. Vậy hình ảnh “*bừng nắng hạ*”, “*chói qua tim*” đã diễn tả được niềm vui đột ngột của nhà thơ. Tố Hữu đã khẳng định lý tưởng cộng sản như một nguồn ánh sáng mới, làm bừng sáng lên tâm hồn. Tác giả gọi chân lý cách mạng là *mặt trời chân lý* bởi Đảng là một nguồn

ánh sáng kì diệu, tỏa ra từ những tư tưởng đúng đắn, hợp với lẽ phải. Nó báo hiệu những điều tốt lành cho cuộc sống. Cách gọi ấy thể hiện thái độ thành kính của nhà thơ đối với cách mạng. Cụm từ “*chói qua tim*” là tác giả nhấn mạnh ánh sáng của lí tưởng là một nguồn ánh sáng mạnh, nó xua tan đi màn sương mù của ý thức tiểu tư sản và mở ra trong tâm hồn nhà thơ một chân trời mới của nhận thức, của tư tưởng.

Hai câu thơ sau tác giả viết bằng bút pháp trữ tình lãng mạn cùng với những hình ảnh so sánh rất sinh động, giàu hình tượng để diễn tả niềm vui sướng vô hạn của buổi đầu tiếp xúc với lí tưởng cộng sản:

“Hồn tôi là một vườn hoa lá

Rất đậm hương và rộn tiếng chim”

Bút pháp so sánh đã hữu hình hóa niềm vui sướng trong lòng người. Các tính từ chỉ mức độ như « *đậm* », « *rộn* » đã nói hộ nhà thơ về niềm vui sướng của chính mình. Hẳn là trước đó tâm hồn thi sĩ là một khu vườn mùa đông cảnh khô, lá úa thì giờ đây được gặp gỡ lí tưởng CM bỗng chốc tâm hồn đó trở thành một khu vườn mùa hạ xanh tươi, ngập tràn ánh nắng mặt trời, nồng nàn, rộn rã tiếng chim ca và ngát ngào hương sắc « *rất đậm hương và rộn tiếng chim* ». Đối với Tố Hữu, lí tưởng cách mạng không chỉ khơi dậy một sức sống mới mà còn mang lại một cảm hứng sáng tạo mới cho hồn thơ. Đó là nhà thơ say mê ca ngợi nhân dân, ca ngợi đất nước, say mê hoạt động công hiến cho cách mạng.

Như vậy, khổ thơ mở đầu bài thơ diễn tả niềm vui, niềm say mê và hạnh phúc tràn ngập trong tâm hồn nhà thơ từ khi được giác ngộ lí tưởng cách mạng, được kết nạp vào Đảng Cộng Sản. Những câu thơ trên được viết bằng cảm xúc dạt dào diễn tả tâm trạng, tâm hồn bằng những hình ảnh cụ thể và sinh động đã tạo được một ấn tượng độc đáo, mới lạ so với thơ ca cách mạng đương thời và trước đó. Song cái hấp dẫn lớn nhất trong thơ Tố Hữu là con người chân thành, tâm hồn trong trẻo, nồng nhiệt đã tìm được một cách diễn đạt rất phù hợp.

- **Liên hệ mở rộng:** Trong bối cảnh lịch sử khoảng những năm 1938, nước mất, nhân dân ta phải chịu kiếp sống nô lệ. Những người con Việt Nam sống trên quê hương mình, quê hương vốn là của mình nhưng phải cam chịu kiếp sống nhòe, kiếp sống của những kẻ nô lệ. Trong bối cảnh đau buồn ấy, không chỉ với Tố Hữu mà còn rất nhiều thanh niên trẻ Việt Nam khi bắt gặp được lý tưởng cộng sản như bắt gặp được một lối đi trong ngõ cụt. Giờ đây, họ tìm được hi vọng để lại được làm chủ chính quê hương mình, không vui sướng sao được!

Khi giác ngộ lí tưởng Tố Hữu đã khẳng định quan niệm mới về lẽ sống. Đó là sự gắn bó hài hòa giữa cái tôi cá nhân và cái ta chung của mọi người:

Trong quan niệm về lẽ sống, giai cấp tư sản và tiểu tư sản có xu hướng đề cao cái tôi cá nhân “*Ta là Một, là Riêng, là Thứ Nhất*” (Xuân Diệu), bên cạnh tính tích cực về sự tồn tại có ý nghĩa của cá nhân đối với chính mình và cộng đồng, xu hướng tư tưởng này còn có những biểu hiện tiêu cực khi đặt cái tôi cô đơn đối lập với nhân quần.

Trong bài thơ *Từ ấy* nói chung và khổ thơ thứ hai nói riêng, đại từ tôi được nhắc đến nhiều lần nhưng không nhằm đề cao cái tôi cá nhân mà chỉ để thể hiện ước muốn mãnh liệt được gắn kết cá nhân với cộng đồng. Ước muốn ấy được thể hiện trước hết qua một ẩn dụ:

Tôi buộc lòng tôi với mọi người

Để tình trang trải với trăm nơi

Động từ “*buộc*” thể hiện một ý thức tự nguyện và quyết tâm cao độ của Tố Hữu muốn vượt qua giới hạn của cái tôi cá nhân để sống chan hòa với mọi người. “*Buộc*” còn có nghĩa là tự mình phải có trách nhiệm gắn bó với cộng đồng. “*Mọi người*” ở đây là những người lao khổ, những con người cùng chung giai cấp vô sản. Câu thơ *Để tình trang trải với trăm nơi* thực chất là sự điệp lại ý câu thơ đầu: nếu câu trên chỉ mức độ gắn kết sâu sắc thì câu dưới là sự mở rộng tấm lòng. “*Trăm nơi*” là hình ảnh hoán dụ chỉ cộng đồng. Từ “*trang trải*” khiến ta liên tưởng tới tâm hồn của nhà thơ đang trải rộng với cuộc đời: tạo ra khả năng đồng cảm sâu xa với hoàn cảnh của từng con người cụ thể.

Hai câu thơ sau khẳng định tình hữu ái giai cấp trong tình yêu thương của Tố Hữu đối với con người và cuộc đời:

Để hồn tôi với bao hồn khổ

Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời

“*Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời*” là tác giả nói đến tinh thần đoàn kết. “*Khối đời*” là hình ảnh ẩn dụ chỉ một khối người đông đảo cùng chung một cảnh ngộ, cùng chung một lí tưởng, đoàn kết với nhau, gắn bó chặt chẽ với nhau, cùng phấn đấu vì một mục đích chung: đấu tranh giành lại quyền sống và quyền độc lập dân tộc.

Như vậy, qua toàn bộ khổ thơ trên bằng lối sử dụng những từ ngữ chính xác, giàu ẩn ý, nhà thơ đã gửi gắm một cách sâu sắc về tư tưởng, tình cảm của mình. Đó là tình yêu thương con người của Tố Hữu gắn với tình cảm hữu ái giai cấp. Nó thể hiện niềm tin của tác giả vào sức mạnh đoàn kết, câu thơ trên cũng là một lời khẳng định: khi cái tôi chan hòa với cái ta, khi cá nhân hòa vào tập thể cùng lí tưởng thì sức mạnh nhân lên gấp bội. Những câu thơ cũng là biểu hiện nhận thức mới về lẽ sống chan hòa cá nhân và tập thể, giữa cái tôi và cái ta. Trong lẽ sống ấy con người tìm thấy niềm vui và sức mạnh. Sự thay đổi nhận thức ấy, nó bắt nguồn sâu xa từ sự tự giác ngộ lí tưởng của nhà thơ Tố Hữu.

*** *Khổ 3: Bài thơ khép lại với sự chuyển biến của tình cảm trong nhà thơ Tố Hữu. Từ thay đổi về nhận thức dẫn đến sự thay đổi về tình cảm.***

“Tôi đã là con của vạn nhà

Là em của vạn kiếp phôi pha

Là anh của vạn đầu em nhỏ

Không áo cơm, cù bất cù bơ”

Ở khổ thơ này, nhà thơ tiếp tục ghi nhận những chuyển biến trong nhận thức và hành động thể hiện trong quan hệ với các tầng lớp khác nhau của quần chúng lao động. Ở đây, tác giả đã khẳng định tình cảm gắn bó với “*vạn nhà*” (*Tôi đã là con của vạn nhà*: “*vạn nhà*” là một tập thể lớn lao, rộng rãi, nhưng rộng hơn là toàn thể quần chúng nhân dân lao động, “*vạn kiếp phôi pha*” là những người sống nghèo khổ, sa sút, vất vả, cơ cực, “*vạn đầu em nhỏ*” là những em bé lang thang vất vưởng nay đây mai đó). Tình cảm của tác giả thể hiện qua cách xưng hô: con, anh và em, cho ta thấy tình hữu ái giai cấp, tình yêu thương ruột thịt. Điệp từ “*đã là*” là một điểm nhấn, nó giúp tác giả thể hiện sâu sắc tình cảm gắn bó của mình với quần chúng nhân dân lao khổ. Tác giả đã xác định mình là một thành viên trong đại gia đình quần chúng lao khổ. Tình cảm ấy trở nên cao quý hơn khi ta hiểu được Tố Hữu vốn là một trí thức tiểu tư sản, có lối sống đề cao cái tôi cá nhân, ích kỉ, hẹp hòi. Nhà thơ đã vượt qua giai cấp của mình để đến với giai cấp vô

sản với tình cảm chân thành và điều này chứng tỏ sức mạnh cảm hóa mạnh mẽ lí tưởng cách mạng đối với những người trí thức tiểu tư sản. Lí tưởng cộng sản không chỉ cảm hóa Tố Hữu mà còn thay đổi cả một thế hệ trí thức tiểu tư sản như Xuân Diệu, Huy Cận. Họ vốn là những thi sĩ lãng mạn rồi trở thành những nhà thơ cách mạng, sáng tác phục vụ cho sự nghiệp cách mạng. Điều đó thể hiện sự thay đổi quan niệm trong sáng tác của họ. Các nhà thơ lãng mạn quan niệm:

“Là thi sĩ nghĩa là ru với gió

Mơ theo trăng và vờ vẫn cùng mây” (Xuân Diệu)

Nhưng quan niệm của các nhà thơ cách mạng, nhà thơ, nhà văn phải là người chiến sĩ trên mặt trận văn hóa tư tưởng. Như Sóng Hồng đã từng viết:

“Lấy cán bút làm đòn xoay chế độ

Mỗi vần thơ bom đạn phá cường quyền”

Hay Hồ Chí Minh đã viết:

“Nay ở trong thơ nên có thép

Nhà thơ cũng phải biết xung phong”

3. Kết luận:

Với cách sử dụng linh hoạt các bút pháp tự sự, trữ tình và lãng mạn, sử dụng linh hoạt và hiệu quả các biện pháp tu từ như so sánh, ẩn dụ, ngôn ngữ rồi sử dụng từ ngữ giàu tình cảm, giàu hình ảnh bài thơ đã thể hiện được một cách sâu sắc, tinh tế sự thay đổi nhận thức, tư tưởng, tình cảm của một thanh niên ưu tú khi được giác ngộ lí tưởng cách mạng và được vinh dự đứng trong hàng ngũ lãnh đạo của Đảng. Bài thơ cũng thể hiện những nhận thức mới về lẽ sống, đó là lẽ sống gắn bó hài hòa giữa cái tôi riêng với cái ta chung của mọi người. Cũng như sự chuyển biến sâu sắc của nhà thơ, bài thơ cũng có ý nghĩa mở đầu cho con đường cách mạng, con đường thơ ca của Tố Hữu. Nó là tuyên ngôn về lẽ sống của người chiến sĩ cách mạng và cũng là tuyên ngôn của nhà thơ chiến sĩ. Bài thơ cũng tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu, có sự kết hợp hài hòa giữa trữ tình và chính trị, sử dụng nhuần nhuyễn các thủ pháp nghệ thuật quen thuộc của thơ ca truyền thống nhưng giàu hình ảnh và giàu nhịp điệu lời thơ giản dị khiến nó dễ đi vào lòng người đọc.

CHIỀU TỎI

GIỚI THIỆU CHUNG

Hồ Chí Minh được nhân loại biết đến không chỉ là vị lãnh tụ kiệt xuất của dân tộc mà còn được biết đến như một nhà thơ, nhà văn lớn của thế kỉ XX. Ngoài văn chính luận người còn để lại cho đời một sự nghiệp thơ ca đáng trân trọng. Trong đó nổi bật nhất là tập thơ “*Nhật kí trong tù*”. Tập thơ này như một cuốn nhật kí bằng thơ ghi lại những chặng đường giải lao đầy gian nan, vất vả của người tù. Nhưng bằng bản lĩnh thép, tinh thần thép Người đã vượt qua hoàn cảnh tù đầy để hướng về ánh sáng. Bài thơ “*Chiều tối*” là một trong những sáng tác tiêu biểu nhất của tập “*Nhật kí trong tù*”. Bài thơ mang phong vị vừa cổ điển vừa hiện đại. + **vấn đề nghị luận**

PHÂN TÍCH, CẢM NHẬN

1. Khái quát: Tháng 8/1942, Nguyễn Ái Quốc sang Trung Quốc để tranh thủ sự viện trợ của bạn bè quốc tế về cuộc cách mạng ở Việt Nam. Sau mười lăm ngày đi bộ khi vừa tới thị trấn Túc Vinh, tỉnh Quảng Tây, Người bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam vô cớ và bị “mười bốn trắng tê tái gông cùm” trong gần ba mươi nhà lao của tỉnh Quảng Tây. Trong thời gian này Người đã sáng tác tập thơ “*Nhật kí trong tù*” gồm 134 bài thơ bằng chữ Hán. Bài thơ “*Mộ*” (*Chiều tối*) được xem là áng thơ tuyệt bút, được Người làm trên đường chuyển lao từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo.

2. Triển khai

Bài thơ mở đầu bằng bức tranh thiên nhiên buổi chiều tà trên đường Bác bị giải lao. Chỉ vài nét chấm phá, hai câu đầu của bài thơ đã để lại một tiểu họa về cảnh thiên nhiên vùng sơn cước ở thời điểm “*chiều tối*” mang phong vị cổ điển rõ nét:

*Quyện điều quy lâm tầm túc thụ
Cô vân mạn mạn độ thiên không*

Dịch thơ

*Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không*

Thiên nhiên hiện lên với hai nét chấm phá: điều (cánh chim) và vân (áng mây) mang màu sắc cổ thi rõ nét. Hai hình ảnh ấy tạo nên màu không gian khoáng đãng, cao rộng thể hiện điểm nhìn lên của tác giả “*luôn ngẩng cao đầu trong hoàn cảnh tù đầy*”. Buổi chiều ấy dường như ta đã bắt gặp đâu đó trong thơ xưa: “*Bước tới đèo ngang bóng xế tà*” hay “*Chiều tà bảng lảng bóng hoàng hôn*” (Bà Huyện Thanh Quan). Cánh chim và chòm mây vốn là những thi liệu quen thuộc trong thơ cổ thường dùng để miêu tả cảnh chiều tối như một bút pháp miêu tả thời gian. Lý Bạch trong bài thơ Độc tọa Kính Đình san cũng đã từng viết:

*“Chúng điều cao phi tận
Cô vân độc khứ nhàn”
(Chim trời bay đi hết
Mây lẻ đi một mình)*

Điều mới mẻ có tính hiện đại ở đây là nếu trong thơ cổ, cánh chim thường bay về chốn vô tận vô cùng vô định, gợi cảm giác xa xăm, phiêu dạt, chia lìa, mang cái buồn u uẩn cánh chim trong thơ Bác lại gần gũi yêu thương hơn bao giờ hết. Nó chỉ là cánh chim về tổ ấm sau một ngày dài kiếm ăn mỏi mệt. Cái hay nằm ở chỗ, nhìn cánh chim bay mà thấy được “*quyện điều*”, thấy được trong dáng bay của cánh chim có sự mỏi mệt của nó. Nghĩa là nhà thơ thấy được sự vận động bên trong của cánh chim kia. Đây chính là tình cảm nhân đạo của Hồ Chí Minh. Cái nhìn ấy thể hiện tình cảm nhân ái bao la của Người đối với cảnh vật. Đúng như Tố Hữu đã từng viết:

*“Bác ơi tim Bác mênh mông thế?
Ôm cả non sông mọi kiếp người.*

Qua đó ta thấy thêm một nét nghĩa mới người tù dường như cũng đồng cảm với cánh chim kia. Người như muốn được dừng chân sau một ngày đầy ải:

“Năm mươi ba cây số một ngày

Áo mũ dầm mưa rách hết giày”.

Cùng với “*Quyên điều quy lâm*” là “*Cô vân mạn mạn*”. Bài thơ dịch khá uyển chuyển, nhưng đã làm mất đi vẻ lẻ loi, trôi nổi, lững lờ của đám mây. Người dịch đã bỏ sót chữ “*cô*” và chưa thể hiện được hết nghĩa của hai từ “*mạn mạn*”. Căn cứ vào phần nguyên âm ta thấy hình ảnh đám mây cô đơn, lẻ loi đang chậm chậm trôi qua bầu trời. Nó không chỉ làm cho bầu trời thêm cao, thêm thoáng đãng mà còn gợi lên nỗi buồn băng khuâng của người tù nơi đất khách quê người. Nhưng nỗi buồn không bi lụy, không hiu hắt như trong thơ cổ điển. Mặc dù câu thơ dịch “*Chòm mây trôi nhẹ giữa từng không*” chưa được sát nghĩa nhưng dù sao cũng thấy được cái hay riêng của nó. Chòm mây trôi nhẹ nhàng, nhàn tản như chính tâm hồn người tù chiến sĩ ung dung tự tại, bị giải tù mà như đang thưởng ngoạn cảnh trời chiều và thả tâm hồn thi sĩ chứ không là cảnh tù đầy mệt mỏi nữa. Qua đó ta thấy tác giả không hề để lộ cái mệt mỏi cô đơn của chính mình. Đó chính là tinh thần thép vĩ đại của người tù – thi sĩ Hồ Chí Minh.

Tiểu kết: Hai câu thơ đầu gợi lên bức tranh thiên nhiên chiều muộn nơi núi rừng mang nét buồn vắng. Đằng sau đó là bức chân dung người tù Hồ Chí Minh yêu thiên nhiên, cuộc sống; khát khao tự do; giàu ý chí, nghị lực vượt lên trên cảnh ngộ bản thân

b. Cảnh chiều tà nơi vùng sơn cước có chút hiu hắt, vắng lặng gợi lên cái băng khuâng man mác trong lòng người đọc nhưng sự biến chuyển của hai câu sau nhanh chóng xóa đi cái hiu hắt vốn có của núi rừng. Đó chính là đôi mắt yêu thương và trái tim nhân ái bao la của Người bắt gặp vẻ đẹp của con người lao động:

Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc

Bao túc ma hoàn lô dĩ hồng

Sinh thời Hồ Chí Minh chỉ có một ao ước lớn: “*Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành*”. Nghĩa là ao ước của người luôn hướng về nhân dân, nhân dân ở đây không chỉ hiểu là dân tộc Việt Nam mà còn là nhân dân cần lao trên thế giới. Đó chính là tinh thần nhân đạo cao cả của Quốc tế cộng sản.

Câu thơ nguyên bản “*Sơn thôn thiếu nữ*” dịch là “*Cô em xóm núi*” đứng trên bình diện nghĩa của từ thì không có gì sai nhưng câu thơ dịch đã không thể hiện được hết cái nhìn trân trọng của nhân vật trữ tình đối với con người; giọng điệu quan trọng của câu thơ nguyên tác không hiện diện trong lời thơ dịch. Người phụ nữ đã nhiều lần có mặt trong thơ chữ Hán, nhưng phần lớn họ đều thuộc giới thượng lưu hoặc chí ít cũng gần gũi với giới thượng lưu. Phần lớn người phụ nữ trong thơ cổ đều mang nỗi buồn thương man mác vì chiến tranh sinh ly tử biệt hay lỡ dở tình duyên, Vương Xương Linh thời Đường từng viết Khuê oán:

“Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu

Xuân nhật ngưng trang thương thúy lâu

Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc

Hối giao phu tế mịch phong hầu”.

Dịch thơ

*“Cô gái phòng the chữa biết sầu
Ngày xuân trang điểm dạo lên lầu
Đầu đường chợt thấy tơ xanh liễu
Hỏi để chồng đi kiếm tước hầu”*

Cái mới ở đây là cùng viết về hình ảnh người phụ nữ nhưng thơ Bác lại viết về người dân lao động với cái nhìn trân trọng yêu thương mang niềm vui của tấm lòng nhân đạo. hai chữ “*thiếu nữ*” gọi lên vẻ trẻ trung tươi tắn của cô gái cùng với hoạt động xay ngô đã làm hiện lên vẻ đẹp khỏe khoắn, nhịp nhàng trong lao động. Hình ảnh này đã làm xôn xao cả buổi chiều cô quạnh mang đến cho bức tranh thơ sức sống và niềm vui lan tỏa. Việc đặt hình ảnh “*son thôn thiếu nữ*” ở vị trí trung tâm của bức tranh phong cảnh chiều tối đã làm cho bức tranh thiên nhiên trở thành bức tranh của cuộc sống con người. sự chuyển đổi ấy thể hiện một khuynh hướng vận động vận động của hình tượng thơ và quan điểm nhân sinh của Bác. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, Hồ Chí Minh cũng gắn bó với cuộc sống con người nơi trần thế đặc biệt là đời sống của nhân dân lao động.

Tính hiện đại ở đây nữa chính là nghệ thuật biểu hiện. Tài hoa của Người là ở chỗ tả cảnh thiên nhiên, tả cảnh chiều tối mà không phải dùng đến một tính từ chỉ thời gian nào. Cả bài thơ không hề có chữ tối nào cả mà người đọc vẫn nhận ra chữ tối. Người dùng ánh lửa đỏ để thể hiện thời gian (trời có tối mới nhìn thấy lò than rực hồng). Hơn nữa, người đọc còn cảm nhận được bước đi của thời gian từ chiều đến tối. Cô gái xay ngô từ khi trời còn ánh sáng; xay xong thì trời đã tối. Điệp ngữ liên hoàn (điệp ngữ vòng) “*ma bao túc – bao túc ma hoàn*” đã cho ta cảm nhận được thời gian đang vận động đang xoay theo từng vòng quay của cối xay n ngô. Phải chăng Hồ Chí Minh đã có một phát hiện mới trong bút pháp tả thời gian. Rõ ràng, ngay cả khi tả cảnh chiều tối, thơ Hồ Chí Minh vẫn có sự vận động từ bóng tối ra ánh sáng. Vòng quay của chiếc cối chấm dứt, công việc kết thúc (bao túc ma hoàn) thì lò than cũng vừa đỏ (lô dĩ hồng), ánh lửa đỏ ấm nồng xuất hiện thật bất ngờ, tỏa sáng vào đêm tối xua tan đi cái lạnh lẽo hiu hắt của núi rừng. Đó cũng là lúc mà cô gái kia được quây quần bên mâm cơm ấm cúng của gia đình.

Chữ “*hồng*” nằm ở cuối bài thơ nhưng có một vị trí đặc biệt. Trong nghệ thuật Đường thi, chữ hồng được xem là nhãn tự là con mắt thần. Nó tạo nên cái thần thái đặc biệt cho bài thơ. Hoàng Trung Thông nhận xét rằng: *Với một chữ “hồng”, Bác đã làm sáng rực lên toàn bộ bài thơ, đã làm mất đi sự mệt mỏi, sự uể oải, sự vội vã, sự nặng nề đã diễn ra trong ba câu đầu, đã làm sáng rực lên khuôn mặt của cô em sau khi xay xong ngô tối. Chữ “hồng” trong nghệ thuật thơ đường người ta gọi là “con mắt thơ” (Thi nhãn hoặc là nhãn tự (chữ mắt nó sáng bùng lên, nó cản lại, chỉ một chữ thôi với hai mươi bảy chữ khác dẫn đầu nặng đến mấy đi chẳng nữa. Với chữ “hồng” đó có ai còn cảm giác nặng nề, mệt mỏi, nhọc nhằn nữa đâu, mà chỉ thấy màu đỏ đã nhuộm lên cả bóng đêm, cả thân hình, cả lao động của cô gái đáng yêu kia. Đó là màu đỏ tình cảm Bác.*

Như vậy chữ “*hồng*” rất xứng đáng là “*ông thánh thứ hai mươi tám*” của bài thơ. Ánh hồng ấy không chỉ tỏa ra từ chiếc bếp lửa bình dị của một “*son thôn thiếu nữ*” mà chủ yếu được tỏa ra từ tấm lòng nhân ái, tinh thần lạc quan của Hồ Chí Minh. Về nét nghĩa khác, chữ “*hồng*” còn là biểu hiện của cuộc vận động từ bóng tối ra ánh sáng. Thơ Hồ Chí Minh bao giờ cũng vậy, luôn hướng về ánh sáng. Trong bài thơ Tảo giải, chữ Hồng ấy cũng đã từng xuất hiện:

*“Phương Đông màu trắng chuyển sang hồng
Bóng tối đêm tàn sớm sạch không”*

Chữ hồng ấy với chữ hồng trong Chiều tối có cùng một nét nghĩa là chỉ ánh sáng, chỉ niềm vui, sự lạc quan của người tù. Con đường cách mạng Việt Nam cũng vậy đi từ trong đêm trường nô lệ, đi trong chông gai để đến với con đường vinh quang.

*“Đầu tường sớm sớm vằng dương mọc,
Chiếu cửa nhà lao, cửa vãn cài;
Trong ngục giờ đây còn tối mịt,
Ánh hồng trước mặt đã bừng soi”*

(Trích nhật ký trong tù)

3. Nghệ thuật: Thành công của bài thơ chính là yếu tố cổ điển kết hợp với hiện đại, sử dụng hình ảnh thơ giản dị, mộc mạc. ngoài ra, thành công của bài thơ còn là bút pháp tả cảnh ngụ tình, lấy động tả tĩnh, các biện pháp tu từ như: điệp ngữ vòng, ẩn dụ, bút pháp miêu tả thời gian.

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Bài thơ “*Chiều tối*” là một bài thơ tiêu biểu cho nét đẹp cổ điển và hiện đại trong thơ Hồ Chí Minh. Bài thơ chỉ đơn giản là tả về phong cảnh thiên nhiên và con người nơi xóm núi khi chiều muộn, đồng thời, cũng ẩn chứa trong đó nỗi niềm ước mong được tự do, được sum họp của Người. Đồng thời, ở Bác, chúng ta vẫn luôn thấy ánh lên một vẻ đẹp của tinh thần quên mình, của một trái tim giàu lòng yêu thương luôn biết quan tâm đến những điều bình dị nhất.